

Số: 23 /2019/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Xét Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 142/BC-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế – Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi là Đề án).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Nội dung và mức chi để tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Thuê địa điểm tổ chức sự kiện, chi thông tin tuyên truyền về sự kiện và chi phí hoạt động chung của Ban tổ chức sự kiện: Thực hiện theo các quy định hiện hành của tỉnh, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê mặt bằng, chi phí vận chuyển trang thiết bị, thiết kế, dàn dựng gian hàng và truyền thông cho sự kiện: 10.000.000 đồng/01 đơn vị tham gia.

3. Chi tiếp các đoàn và khách mời quốc tế; tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước, quốc tế trong thời gian tổ chức sự kiện theo chương trình, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và chế độ tiếp khách.

4. Tổ chức cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Áp dụng bằng mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng.

Điều 4. Nội dung và mức chi để phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Hỗ trợ kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh: Thực hiện theo các quy định hiện hành, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên được hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp được hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh, do thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo thỏa thuận, ký hợp đồng với chuyên gia trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

a) Đối với chuyên gia trong nước: Mức hỗ trợ tối đa 12.000.000 đồng/chuyên gia/khóa đào tạo dưới 30 ngày; hỗ trợ tối đa 32.000.000 đồng/chuyên gia/khóa đào tạo từ 30 ngày trở lên;

b) Đối với chuyên gia nước ngoài: Mức hỗ trợ 40% kinh phí thực hiện hợp đồng.

Điều 5. Nội dung và mức chi để phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: Mức hỗ trợ 24% tổng mức kinh phí thực hiện của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: 64.000.000 đồng/nhiệm vụ/doanh nghiệp.

Điều 6. Nội dung và mức chi đối với hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Hỗ trợ kinh phí xây dựng chương trình truyền thông về hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ đầu tư cho khởi nghiệp và phổ biến tuyên truyền các điển hình khởi nghiệp thành công của Việt Nam theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Mức hỗ trợ 40% tổng mức kinh phí thực hiện.

Điều 7. Nội dung và mức chi đối với hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo

1. Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo để kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, đầu tư mạo hiểm ở trong nước, với khu vực và thế giới: Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị và chế độ tiếp khách.

a) Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện;

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên được hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập và doanh nghiệp được hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia kết nối các mạng lưới khởi nghiệp, sự kiện khởi nghiệp, kết nối với các chuyên gia khởi nghiệp trong khu vực và trên thế giới, do thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình đào tạo thỏa thuận, ký hợp đồng với chuyên gia trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

a) Đối với chuyên gia trong nước: Hỗ trợ tối đa 8.000.000 đồng/chuyên gia/chương trình;

b) Đối với chuyên gia nước ngoài: Mức hỗ trợ 40% kinh phí thực hiện hợp đồng.

Điều 8. Nội dung và mức chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

1. Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp, mức hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách.

a) Thời gian hỗ trợ: Không quá 01 năm/doanh nghiệp;

b) Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Không quá 05 doanh nghiệp/năm.

2. Hỗ trợ kinh phí sử dụng các dịch vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Mức hỗ trợ không quá 64.000.000 đồng/doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Mức hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách.

Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Không quá 05 doanh nghiệp/năm.

4. Hỗ trợ kinh phí để doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài (được cử 01 người/doanh nghiệp đi tham gia các khóa huấn luyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt): Hỗ trợ 40% tổng mức kinh phí.

Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ: Không quá 02 doanh nghiệp/năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Nội dung và mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Đề án

1. Chi thông tin, tuyên truyền về hoạt động của Đề án và kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc Đề án: Thực hiện theo các quy định hiện hành của tỉnh, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của Đề án; kiểm tra, đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ của Đề án; chi cho các nhiệm vụ nghiên cứu, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách để thúc đẩy môi trường đổi mới sáng tạo: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định hiện hành của tỉnh về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách.

3. Các khoản chi khác phục vụ trực tiếp hoạt động chung của Đề án: Thực hiện theo các quy định hiện hành của tỉnh, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Những nội dung khác có liên quan không quy định trong Nghị quyết này thì được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Hiện